CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Cơ điện Công trình

Ngày 30/09/2025	10,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**0%**

DT thuần
Q3/25
0.44
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.08| -14.6%
YoY: ▼0.04| -7.4%

LN thuần
Q3/25
-0.28
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.55| -202%
YoY: ▼0.16| -131%

LN sau thuế
Q3/25
-0.28
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.58| -192%
YoY: ▼0.14| -97.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-62.3%
YoY: +/-▼ 120%

ROE (TTM)
Q3/25
-0.4%
YoY: +/-▼ 0.1%

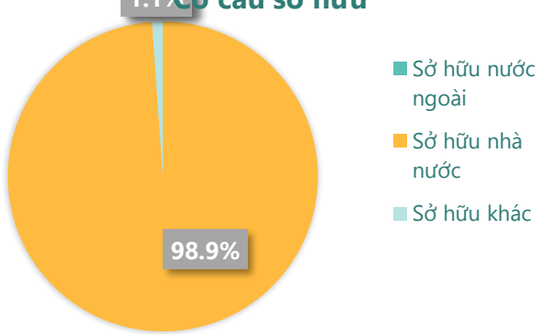
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,000 - 10,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	186
Số lượng CPLH (CP)	18,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	-
EPS	-38
P/E	-266.1

DT thuần
9T 2025
1.43
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.36| -19.9%

LN thuần
9T 2025
-0.53
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.28| 34.4%

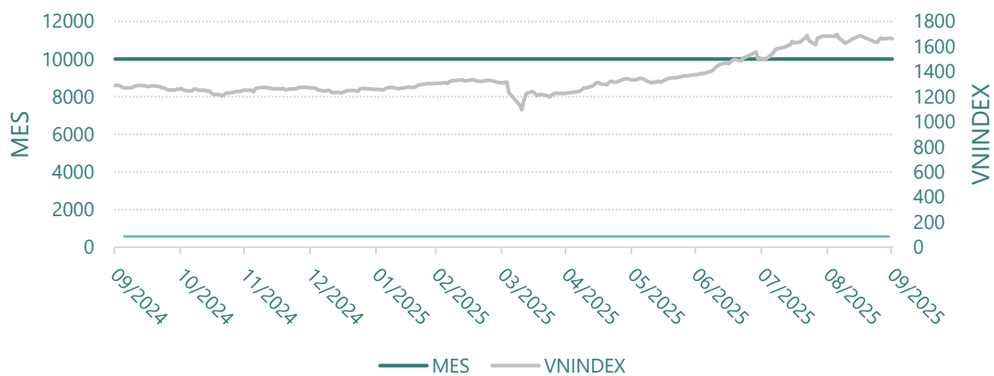
LN sau thuế
9T 2025
-0.50
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.06| 10.2%

Cơ cấu sở hữu

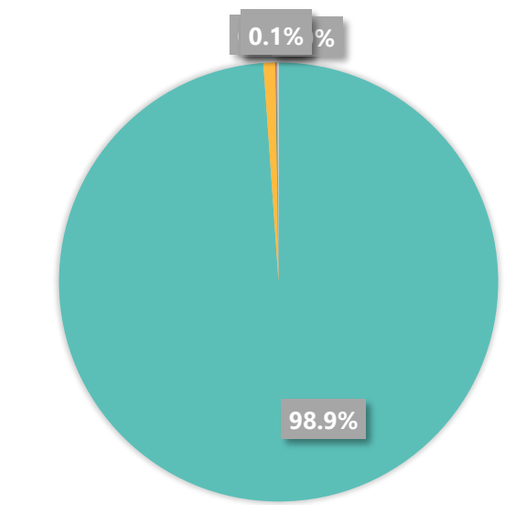


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



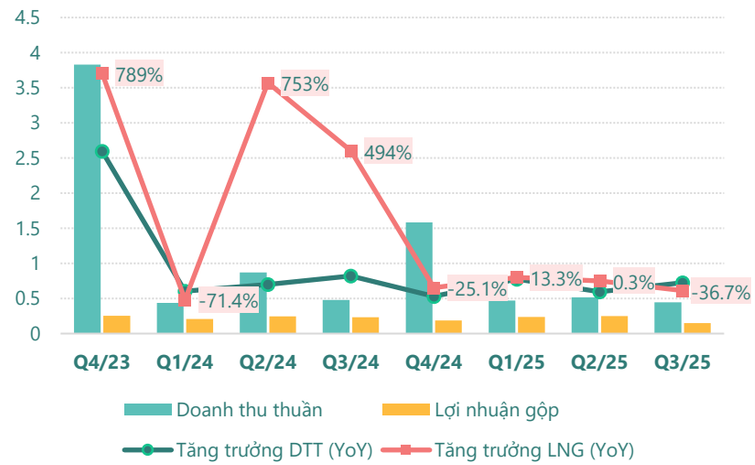
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

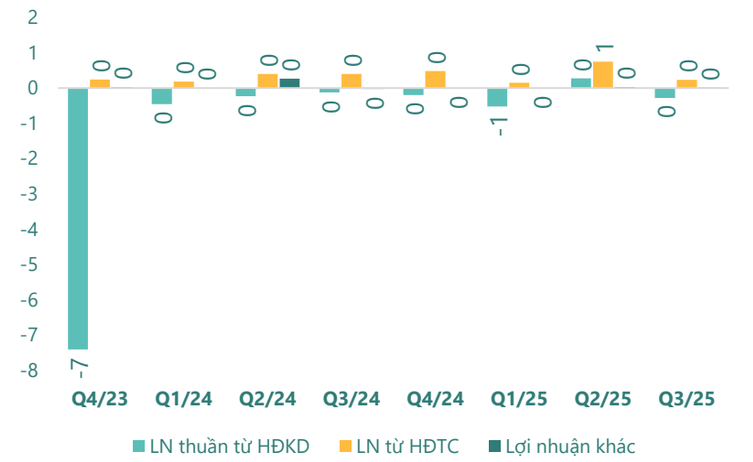
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



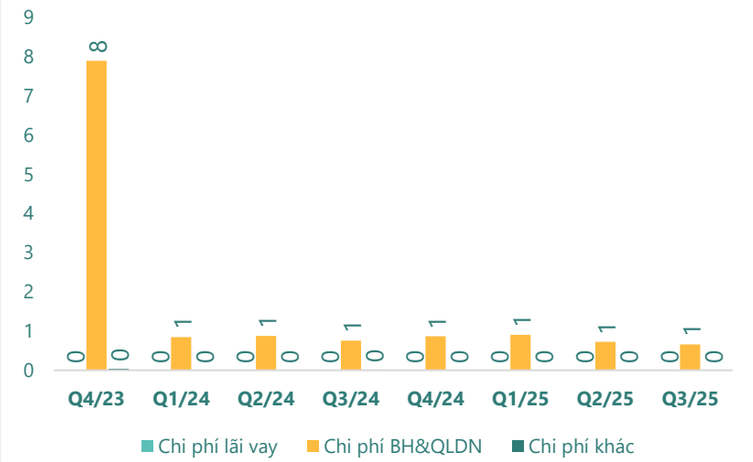
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



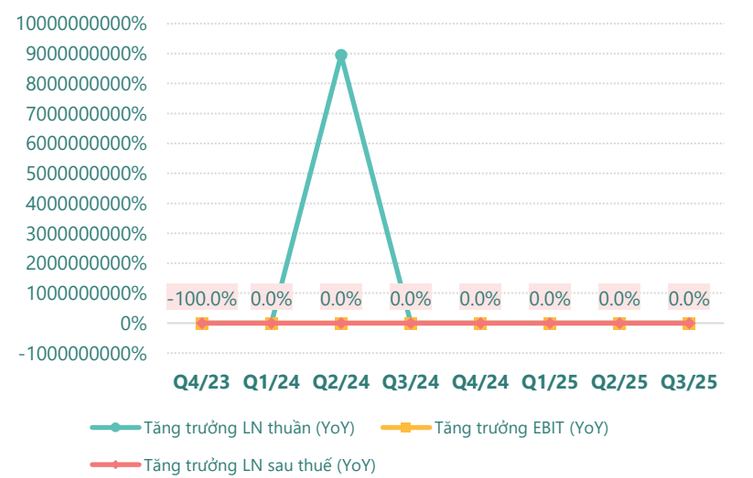
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



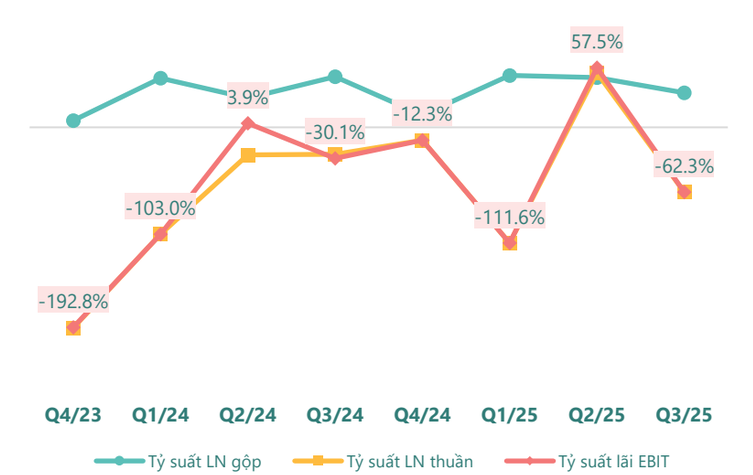
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



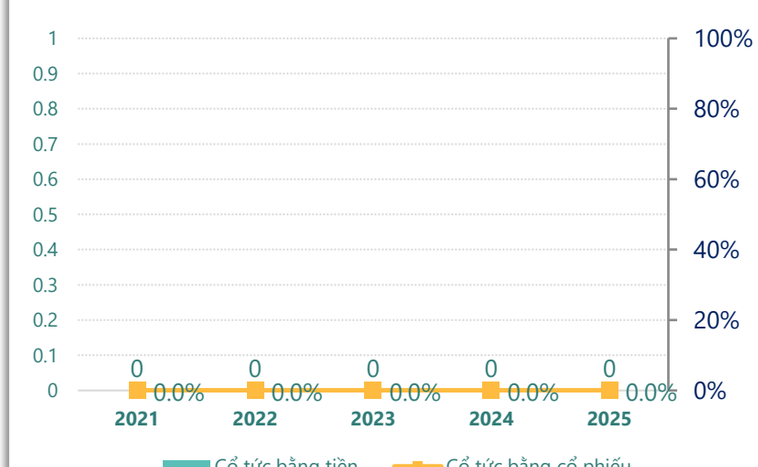
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



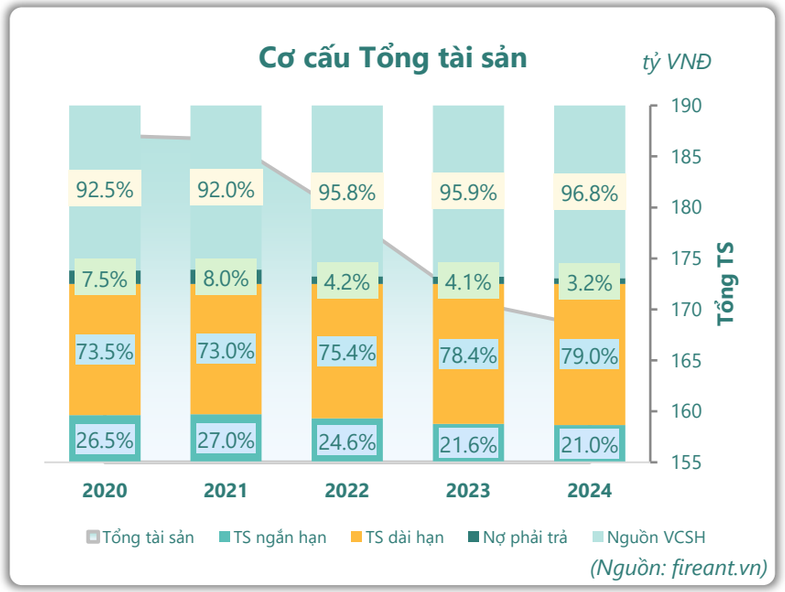
(Nguồn: fireant.vn)

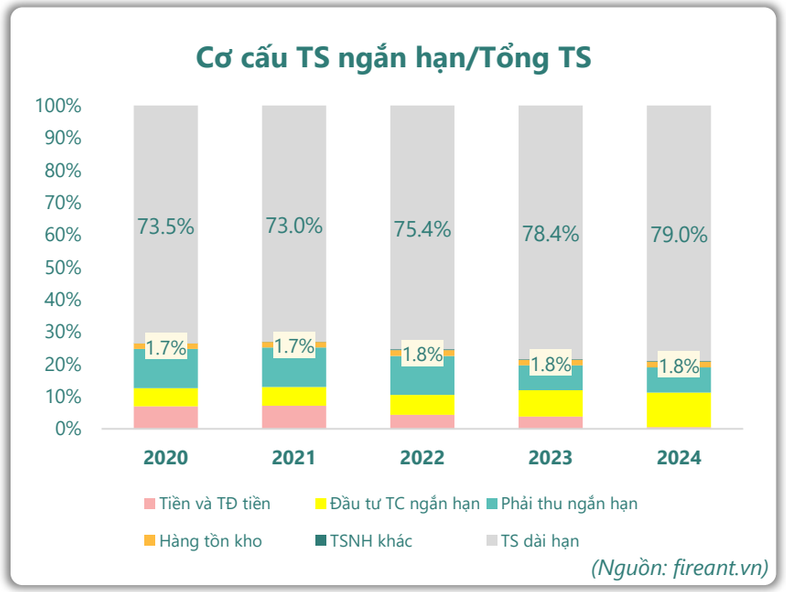
Cổ tức

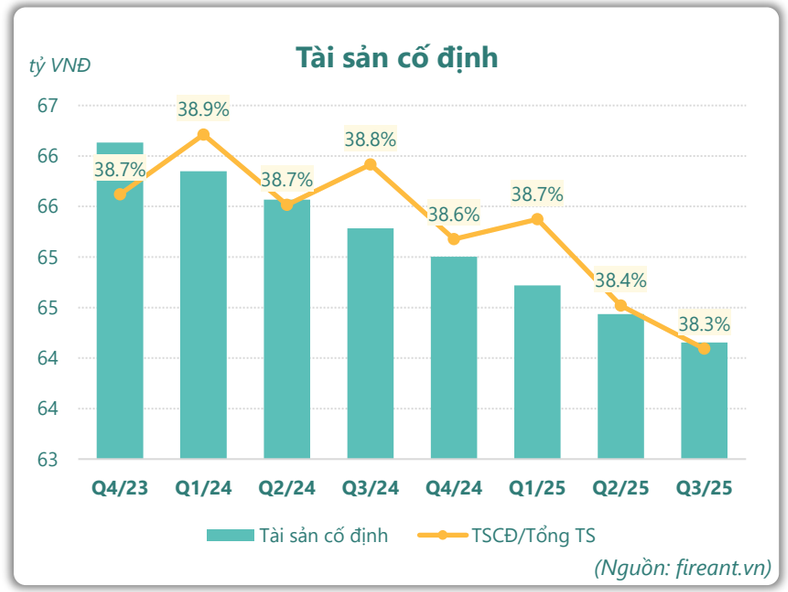


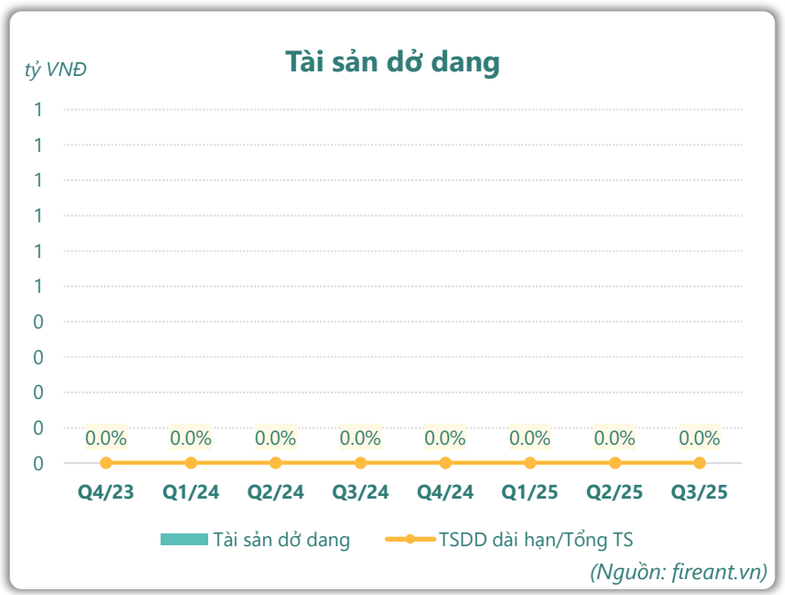
(Nguồn: fireant.vn)

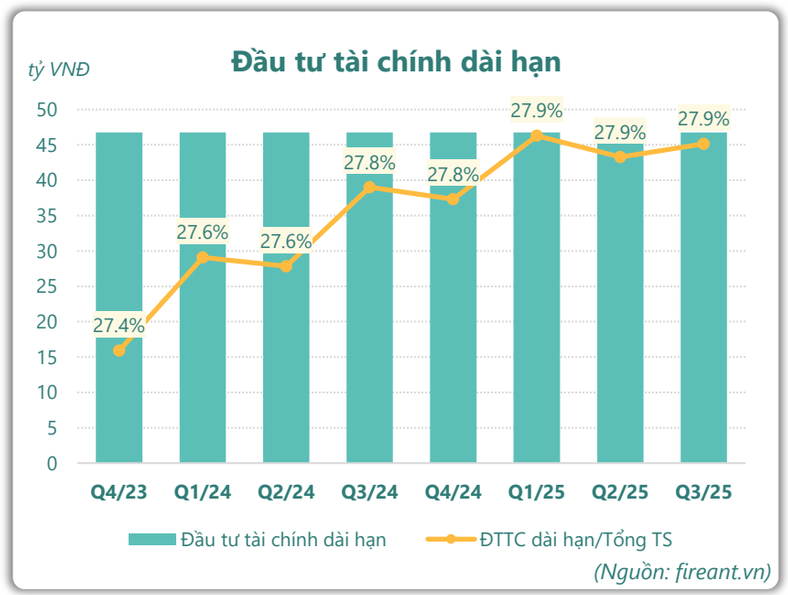
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

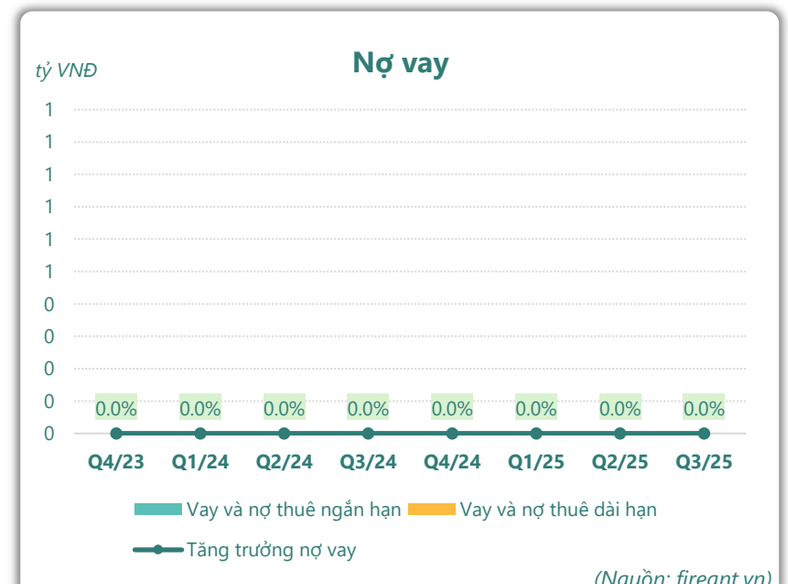






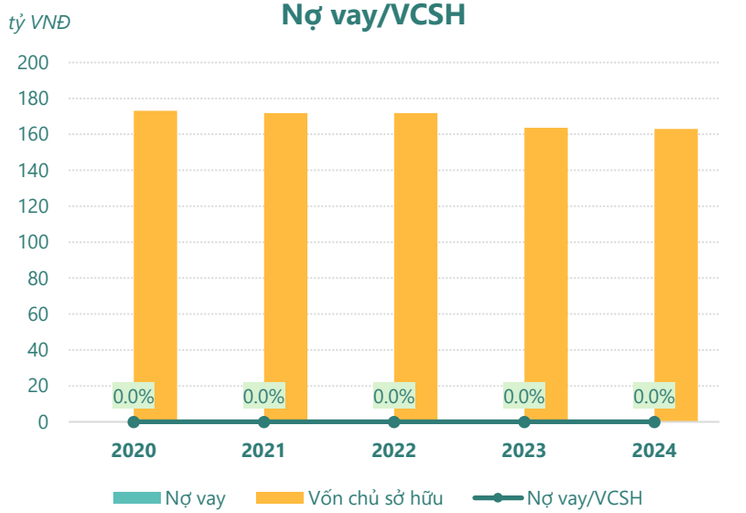






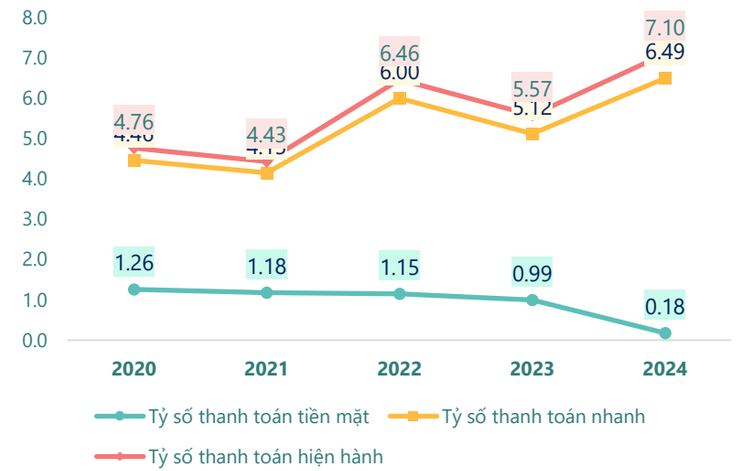
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



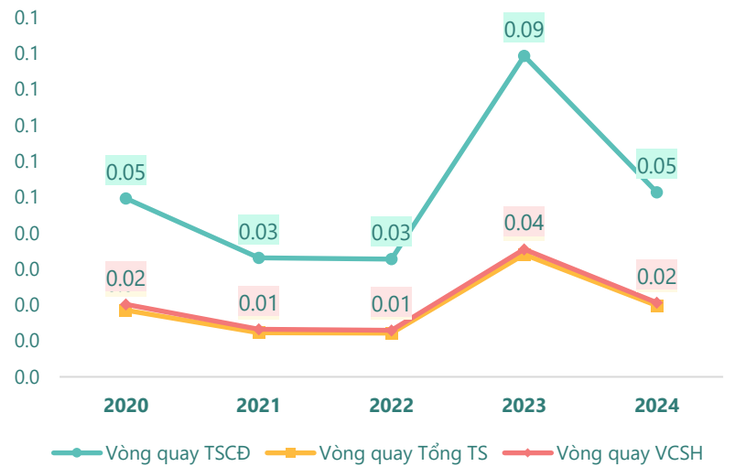
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



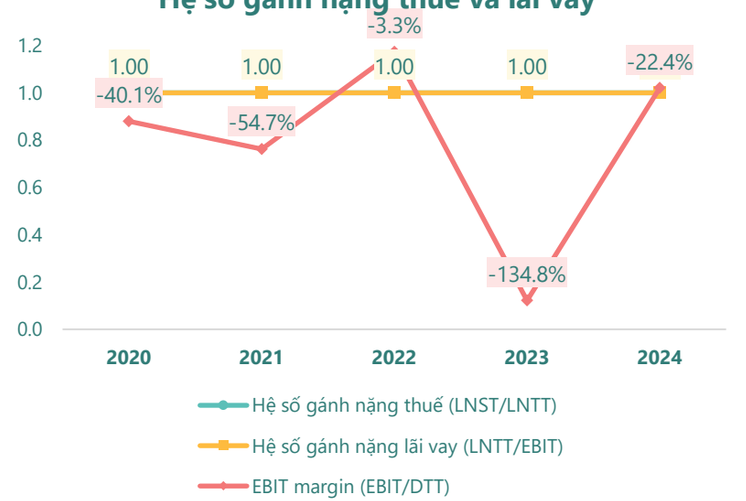
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



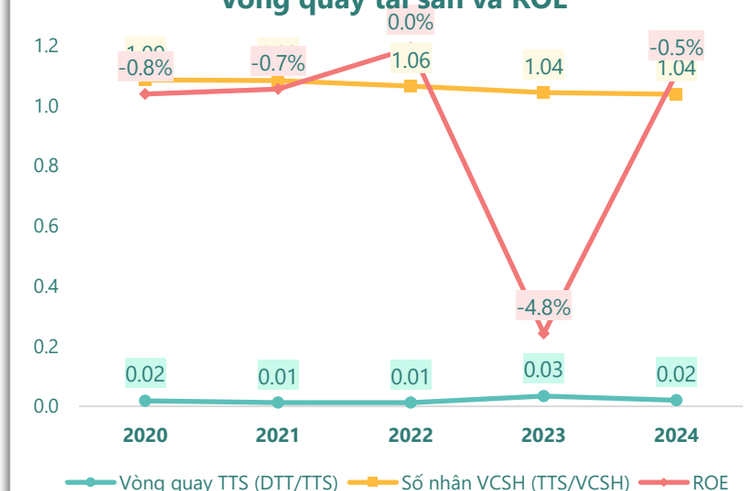
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



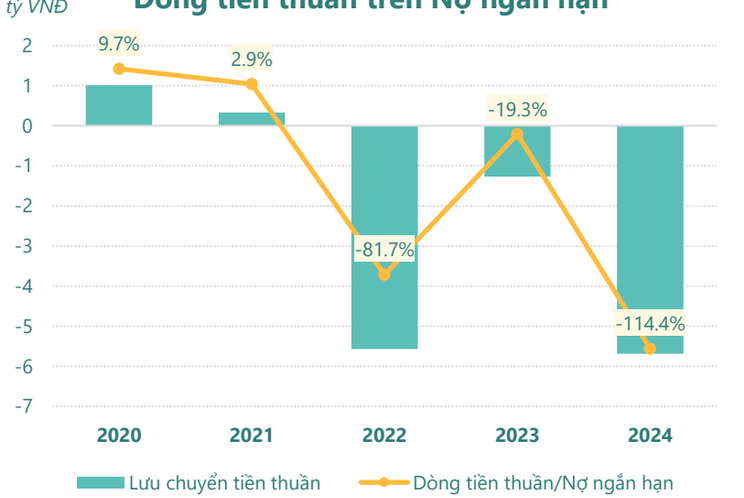
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.44**	**0.48**	**-7.4%**	**1.43**	**1.79**	**-19.9%**
Giá vốn hàng bán	0.30	0.24	23.6%	0.80	1.10	-27.2%
Lợi nhuận gộp	0.15	0.23	-35.9%	0.63	0.69	-8.3%
Doanh thu HĐTC	0.24	0.40	-40.6%	1.13	0.99	14.9%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.11	0.07	62.8%	0.25	0.17	47.8%
Chi phí QLDN	**0.55**	**0.69**	**-20.6%**	**2.04**	**2.31**	**-11.7%**
LN thuần từ HĐKD	-0.28	-0.12	-131%	-0.53	-0.81	34.4%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-0.02**	**100%**	**0.02**	**0.24**	**-89.8%**
LN trước thuế	-0.28	-0.14	-97.7%	-0.50	-0.56	10.2%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.28**	**-0.14**	**-97.7%**	**-0.50**	**-0.56**	**10.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.28**	**-0.14**	**-97.7%**	**-0.50**	**-0.56**	**10.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.65	-1.89	-0.70	-0.17	-0.91	0.69
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.95	5.38	-0.16	-0.05	1.67	-0.82
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.84	2.65	1.73	0.87	0.66	1.42
Lưu chuyển tiền thuần	**-2.60**	**3.49**	**-0.86**	**-0.21**	**0.76**	**-0.12**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	2.65	1.73	0.87	0.66	1.42	1.30

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**167**	**168**	**-0.5%**
Tài sản ngắn hạn	35.2	35.3	-0.3%
Tiền và tương đương tiền	1.30	0.87	48.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.5	18.1	-3.2%
Phải thu ngắn hạn	13.1	13.0	0.5%
Hàng tồn kho	3.01	3.00	0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.28	0.29	-2.5%
Tài sản dài hạn	**132**	**133**	**-0.6%**
Phải thu dài hạn	21.4	21.3	0.4%
Tài sản cố định	64.2	65.0	-1.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	46.7	46.7	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4.99	5.33	-6.5%
Nợ ngắn hạn	**4.63**	**4.97**	**-6.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.64	3.02	-12.4%
Nợ dài hạn	0.36	0.36	-1.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**162**	**163**	**-0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**162**	**163**	**-0.3%**
Vốn điều lệ	186	186	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)